

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tài Văn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
	TỔNG CỘNG	130.331.705.161	1.404.751.441	84.640.325.042	44.286.628.678	129.023.371.735	82.913.800.328		1.288.541.845	667.808.700					68.977.687	572.197.915	484.000.000	80.000.000	8.197.915	33.673.510.214	9.838.535.046		99,00%
1	Trường Mẫu giáo Tài Văn(1091714)	10.174.701.254	10.277.972	8.307.488.154	1.856.935.128	10.107.593.974	10.107.593.974																99,34%
2	Trường Trung học cơ sở Viên An(1091722)	6.597.806.890	8.832.505	5.723.231.065	865.743.320	6.584.778.744	6.584.778.744																99,80%
3	Trường Trung học cơ sở Tài Văn(1091727)	13.498.051.444		10.575.268.000	2.922.783.444	13.489.712.646	13.489.712.646																99,94%
4	Trường Tiểu học Tài Văn I(1091913)	12.138.100.729	120.402.935	10.814.363.065	1.203.334.729	12.023.475.644	12.023.475.644																99,06%
5	Trường Tiểu học Tài Văn 2(1091914)	13.465.623.230	4.189.871	11.368.944.356	2.092.489.003	13.453.913.350	13.453.913.350																99,91%
6	Trường Tiểu học Viên An I(1091918)	10.319.775.879	202.656.961	9.524.255.406	592.863.512	10.310.868.103	10.310.868.103																99,91%
7	Trường Tiểu học Viên An 2(1091920)	8.511.344.440	152.158.259	6.731.581.996	1.627.604.185	8.509.480.374	8.509.480.374																99,98%
8	Trường Mẫu giáo Viên An(1102278)	8.007.673.926	54.829.703	6.136.523.000	1.816.321.223	7.993.121.493	7.993.121.493																99,82%
9	Phòng Kinh tế xã tài Văn(1148372)	5.127.042.510			5.127.042.510	5.039.458.796									68.977.687	572.197.915	484.000.000	80.000.000	8.197.915	3.145.898.148	1.252.385.046		98,29%
10	Văn phòng HĐND và UBND xã Tài Văn(1149781)	32.862.827.087	851.403.235	15.458.670.000	16.552.753.852	32.187.969.857			1.288.541.845	667.808.700										23.625.519.312	6.606.100.000		97,95%
11	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tài Văn(1150434)	3.937.968.652			3.937.968.652	3.632.209.634	440.856.000													1.211.303.634	1.980.050.000		92,24%
12	Văn phòng Đảng ủy xã Tài Văn(1159906)	3.491.735.600			3.491.735.600	3.491.735.600														3.491.735.600			100,00%
13	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tài Văn(1162799)	2.199.053.520			2.199.053.520	2.199.053.520														2.199.053.520			100,00%